

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAH'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26-03-2025
“V/v: Kiện ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Xuân Cường
Các hội thẩm nhân dân gồm có: Ông Võ Ánh Sứ và ông Bùi Hoàng Sơn.
- *Thư ký phiên toà:* Bà Đặng Thị Hoà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo.
- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo:* Ông Nguyễn Tuấn Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2025 tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'leo, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 466/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc “Kiện ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 03 năm 2025; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên toà số: 01/TB-TA, ngày 19/03/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Cẩm N, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Bùi Thị Cẩm N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Dương Văn T chung sống với nhau từ năm 2015 có ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E. C sống và kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua thời gian tìm hiểu. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chúng tôi bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh T có đánh tôi. Hiện nay tôi nhận thấy không còn tình cảm với anh T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung: Cháu Dương Tấn T1, sinh ngày 24/4/2016 và cháu Dương Khả H, sinh ngày 07/12/2020. Nay ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu H đến khi trưởng

thành và đồng ý giao cháu T1 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Dương Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Bùi Thị Cẩm N chung sống với nhau từ năm 2015 có ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E. Chúng chung sống và kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua thời gian tìm hiểu. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chúng tôi bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, tôi và vợ có xảy ra đánh nhau với lý do là vợ tôi đi đâu tôi không biết, gọi điện không liên lạc được nên tôi có đánh vợ. Cách đây 4 năm tôi có đánh vợ và vợ tôi phải đi nhập viện.

Tuy nhiên hiện nay chị N xin ly hôn tôi không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị N muốn đoàn tụ gia đình và cho con cái có cả cha và mẹ.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung: Cháu Dương Tấn T1, sinh ngày 24/4/2016 và cháu Dương Khả H, sinh ngày 07/12/2020. Nay nếu phải ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T1 và đồng ý giao cháu H cho cô N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của HĐXX, thư ký và các đương sự, đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án;

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Điều Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Chị N được ly hôn với anh T.

Về con chung: Đề nghị HĐXX xem xét giao Dương Khả H, sinh ngày 07/12/2020 cho chị N nuôi dưỡng; giao cháu Dương Tấn T1, sinh ngày 24/4/2016 cho anh T nuôi dưỡng đến khi các con chung trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Hiện các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Hiện các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị N và bị đơn anh T có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung: Chị N và anh T chung sống với nhau từ năm 2015 có ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn chị N và anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N và anh T bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn giữa chị N và anh T không hàn gắn được. Hiện chị N và anh T đang sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án chị N và anh T đều thừa nhận hiện hai người đang có mâu thuẫn. Tuy nhiên anh T không đồng ý ly hôn vì cho rằng giữa hai người vẫn còn tình cảm. Nhận thấy từ khi phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân giữa chị N và anh T vẫn không có tiếng nói chung, mâu thuẫn không hàn gắn được, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, không còn yêu thương, quý trọng nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp với Điều 51 Luật hôn nhân gia đình, nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị N và anh T đã thỏa thuận được với nhau về nuôi con chung, không có tranh chấp. Do vậy, cần giao cháu Dương Khả H, sinh ngày 07/12/2020 cho chị N nuôi dưỡng; giao cháu Dương Tấn T1, sinh ngày 24/4/2016 cho anh T nuôi dưỡng đến khi các con chung trưởng thành.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Điều Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Chị Bùi Thị Cẩm N. Chị Bùi Thị Cẩm N được ly hôn anh Dương Văn T.

1. Về con chung: Giao cháu Dương Khả H, sinh ngày 07/12/2020 cho chị N nuôi dưỡng; giao cháu Dương Tấn T1, sinh ngày 24/4/2016 cho anh T nuôi dưỡng đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

2. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện Ea H'Leo theo Biên lai số AA/2023/0002442 ngày 05/11/2024.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'leo;
- **UBND xã Ea Ral; (số 87/2015);**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Xuân Cường